TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 286/2018/DS-ST
Ngày: 05-7-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Mai Lan

- Ông Dương Minh Kiên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Thục Đoan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Phòng xử số 3 - Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, trụ sở số: 416/2, đường Dương Quảng Hàm, Phường 05, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 06 năm 2017, về việc: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2018/QĐST-DS ngày 11/6/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Hồng D, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Đường B, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm: 1952; Địa chỉ: Đường L, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

2. Bà Trương Thị Bình M – sinh năm: 1957; Địa chỉ: Đường L, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Trịnh Văn N – sinh năm: 1959; Địa chỉ: Đường B, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Võ Thị Hồng D, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Đường B, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08 tháng 6 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng

như tại phiên tòa hôm nay; ***Nguyên đơn*** trình bày:

Ngày 12/6/2015, bà Võ Thị Hồng D cho ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị Bình M vay 300.000.000 đồng; Hợp đồng được hai bên ký không có biện pháp bảo đảm, tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc. Ngày 10/10/2015, ông T và bà M vay thêm số tiền: 100.000.000 đồng (số tiền vay này được viết ở mặt sau của hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản ngày 12/6/2015 - không có công chứng). Tổng cộng là: 400.000.000 đồng.

Khi vay thêm 100.000.000 đồng, ông T và bà M có thế chấp cho bà D, một giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH0000340 do Tp Cà Mau cấp ngày 21/11/2013 cho bà Trần Thị T - mẹ ông T và mẹ ông T đã tặng cho ông T theo hồ sơ gốc số: 2455 mà Văn phòng đăng ký QSDĐ Thành phố Cà Mau cập nhật ngày 20/6/2014.

Ông T và bà M đã không thực hiện theo hợp đồng, chỉ trả tiền lãi được 02 tháng đối với hợp đồng vay tiền ngày 12/6/2015 rồi ngưng không trả.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà M phải trả các khoản tiền sau:

Đối với Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 12/6/2015, số công chứng: 009454 tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc Thành phố Hồ Chí Minh:

- Tiền vốn gốc 300.000.000 đồng;

- Tiền lãi trong hạn: Từ ngày 12/8/2015 đến ngày 12/6/2017 là 22 tháng, với mức lãi suất: 1.125%/tháng, tương đương với số tiền: 300.000.000 x 22 tháng x 1.125%/tháng = 74.250.000 đồng.

- Tiền lãi quá hạn từ tháng 13/6/2017 đến tháng 05/7/2018 (Ngày xét xử sơ thẩm) tính tròn là: 12 tháng, với lãi suất: 9%/năm tương đương 0.75%/tháng đối với số tiền 300.000.000 đồng, tương đương số tiền là: 300.000.000 đồng x 12 tháng x 0.75%/tháng = 27.000.000 đồng;

Đối với giấy vay tiền ngày 10/10/2015, ông T và bà M vay thêm số tiền: 100.000.000 đồng (số tiền vay này được viết ở mặt sau của hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản ngày 12/6/2015 - không có công chứng).

- Tiền vốn gốc: 100.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng gốc lãi tạm tính đến tháng 05/7/2018 là: 501.250.000 đồng.

Thực hiện 1 lần ngày sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông T, bà M; bà D đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 25/2018/QĐ-BPKCTT ngày 17/5/2018.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông N do bà D là đại diện ủy quyền trình bày: Thống nhất với trình bày của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa hôm nay, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp có ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ cũng như trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 BLTTDS: trễ hạn 03 tháng.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, Ngày 12/06/2015 bà Võ Thị Hồng D có cho ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị Bình M vay số tiền 300.000.000 đồng. Kỳ hạn vay: 24 tháng, kể từ ngày 12/06/2015. Lãi suất vay là 1,125%/tháng, thanh toán vào ngày 12 dương lịch hàng tháng. Mục đích vay: kinh doanh. Ngày 10/10/2015 ông T và bà M vay thêm số tiền 100.000.000 đồng. Hết thời hạn cho vay ông T, bà M không trả 02 khoản vay trên là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đúng hạn"*. Vì vậy bà D khởi kiện yêu cầu ông T, bà M trả số tiền 400.000.000 đồng được chấp nhận.

Đối với mức lãi suất cho vay các bên thỏa thuận 1,125%/tháng, tương đương 13,5%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng."* Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ông T, bà M phải trả lãi suất phát sinh từ tháng 8/2015 đến khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

- Căn cứ Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 40 Bộ luật TTDS năm 2015,
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị HĐXX tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;
2. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác định đây là vụ việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị trả số tiền vốn 400.000.000 đồng

Căn cứ Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 12/6/2015 số công chứng: 009454 tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: "*Bà D cho vợ chồng ông T, bà M vay số tiền: 300.000.000 đồng, lãi suất 1,125%/tháng, thời hạn vay: 24 tháng, đóng lãi hàng tháng vào ngày 12*";

Căn cứ Hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản ngày 12/6/2015 không có công chứng chứng thực, tại mặt sau có chữ ký của bà D và vợ chồng ông T, bà M có nội dung: "*Hôm nay ngày 10-10-2015 chúng tôi có mượn thêm của cô Võ Thị Hồng D số tiền là: 100.000.000 đồng…*"

Xét thấy, khi tham gia giao dịch, các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi; việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ xác định Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 12/6/2015 số công chứng: 009454 tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc, Thành phố Hồ Chí Minh; và Hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản ngày 12/6/2015 không có công chứng chứng thực, tại mặt sau có chữ ký của bà D và vợ chồng ông T, bà M có nội dung: "*Hôm nay ngày 10-10-2015 chúng tôi có mượn thêm của cô Võ Thị Hồng D số tiền là: 100.000.000 đồng…* là chứng cứ chứng minh việc vợ chồng ông T, bà M có vay của bà D số tiền 400.000.000 đồng và cho đến nay ông T, bà M vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do ông T, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên bà D khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng cho vợ chồng bà D là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn tính lãi suất cho vay trong hạn đối với số tiền 300.000.000 đồng:

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm tương đương 0.75%/tháng.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 quy định "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng*".

Căn cứ Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 12/6/2015 số công chứng: 009454 tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc, Thành phố Hồ Chí Minh, các bên thỏa thuận mức lãi suất là: 1.125%/tháng là phù hợp quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, thì bà D thừa nhận phía bị đơn đã trả lãi đến kỳ tháng 8/2015 thì không trả nữa, nên yêu cầu tính lãi trong hạn từ 12/8/2015 là phù hợp.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lãi suất trong hạn đối với số tiền 300.000.000 đồng; Từ ngày 12/8/2015 đến ngày 12/6/2017 là 22 tháng, với mức lãi suất: 1.125%/tháng, tương đương với số tiền: 300.000.000 x 22 tháng x 1.125%/tháng = 74.250.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn tính lãi quá hạn đối với số tiền 300.000.000 đồng

theo Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 12/6/2015 số công chứng: 009454 tại Phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc, Thành phố Hồ Chí Minh với mức lãi suất 9%/năm tương đương 0.75%/tháng.

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm tương đương 0.75%/tháng.

Căn cứ khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định: "*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ".*

Nguyên đơn yêu cầu được tiền lãi quá hạn từ tháng 13/6/2017 đến tháng 05/7/2018 (Ngày xét xử sơ thẩm) tính tròn là: 12 tháng, với lãi suất: 9%/năm tương đương 0.75%/tháng đối với số tiền 300.000.000 đồng, tương đương số tiền là: 300.000.000 đồng x 12 tháng x 0.75%/tháng = 27.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị Bình M phải có trách nhiệm trả cho cho vợ chồng bà Võ Thị Hồng D:

- Tiền nợ gốc: 400.000.000 đồng;

- Tiền lãi trong hạn: Từ ngày 12/8/2015 đến ngày 12/6/2017 là 22 tháng, với mức lãi suất: 1.125%/tháng, tương đương với số tiền: 300.000.000 x 22 tháng x 1.125%/tháng = 74.250.000 đồng.

- Tiền lãi quá hạn từ tháng 13/6/2017 đến tháng 05/7/2018 (Ngày xét xử sơ thẩm) tính tròn là: 12 tháng, với lãi suất: 9%/năm tương đương 0.75%/tháng đối với số tiền 300.000.000 đồng, tương đương số tiền là: 300.000.000 đồng x 12 tháng x 0.75%/tháng = 27.000.000 đồng;

Tổng cộng gốc lãi tạm tính đến tháng 05/7/2018 là: 501.250.000 đồng.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả cả vốn gốc và lãi suất ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Như đã phân tích trên, thể hiện vợ chồng ông T, bà M có vay tiền của bà D, thời gian vay từ năm 2015 cho đến nay vẫn chưa trả cả vốn lẫn lãi; Trong khi thời gian trả vốn hạn cuối vào tháng 6 năm 2017 nhưng cho đến nay vẫn chưa thanh toán là vi phạm thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà D đề nghị vợ chồng ông T, bà M phải có trách nhiệm trả cả vốn gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

- Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông T, bà M; bà D tiếp tục đề nghị Tòa án duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 25/2018/QĐ-BPKCTT ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận. Bà D được nhận lại số tiền bảo đảm: 30.000.000 đồng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 32/2018/QĐ-BPBĐ ngày 26/4/2018.

[3] Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Võ Thị Hồng D toàn bộ số

tiền tạm ứng án phí 11.910.000 đồng mà Nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2016/0018791 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền có nghĩa vụ trả cho Nguyên đơn là 501.250.000 đồng. Nên phải chịu án phí là: 24.050.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 91, khoản 5 Điều 102, Điều 144, 147, 227, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 471, 474, 476 và 478 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị Bình M phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Hồng D và ông Trịnh Văn N số tiền:

- Tiền lãi trong hạn: Từ ngày 12/8/2015 đến ngày 12/6/2017 là 22 tháng, với mức lãi suất: 1.125%/tháng, tương đương với số tiền: 300.000.000 x 22 tháng x 1.125%/tháng = 74.250.000 đồng.

- Tiền lãi quán hạn từ tháng 13/6/2017 đến tháng 05/7/2018 (Ngày xét xử sơ thẩm) tính tròn là: 12 tháng, với lãi suất: 9%/năm tương đương 0.75%/tháng đối với số tiền 300.000.000 đồng, tương đương số tiền là: 300.000.000 đồng x 12 tháng x 0.75%/tháng = 27.000.000 đồng;

Tổng cộng gốc lãi tạm tính đến tháng 05/7/2018 là: 501.250.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ một ngàn hai trăm năm mươi ngàn đồng*)

Thực hiện một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 25/2018/QĐ-BPKCTT ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi thi hành xong bản án. Bà Võ Thị Hồng D được nhận lại số tiền bảo đảm: 30.000.000 đồng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 32/2018/QĐ-BPBĐ ngày 26/4/2018.

3. Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Võ Thị Hồng D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 11.910.000 đồng (*Bằng chữ: Mười một triệu chín trăm mười ngàn đồng*) mà Nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2016/0018791 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền có nghĩa vụ trả cho Nguyên đơn là 501.250.000 đồng. Nên phải chịu án phí là: 24.050.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng)*.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được tính từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP; Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Hoàng